TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 4 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lưu Minh Đoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Kim Loan.
2. Bà Đinh Thị Khang.

- Thư ký phiên tòa: bà Tăng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực A - Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Quảng Ninh *tham gia phiên tòa:* bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm T N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: tổ 7, khu C, phường O, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Lê H P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ 5, khu C, phường O, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt - không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm T N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê H P kết hôn ngày 15/3/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P (nay là phường O), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với mẹ đẻ của anh P tại tổ 5, khu C, phường O, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì đến đầu năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, về làm ăn kinh tế không có sự bàn bạc thống nhất, đời sống vợ chồng không có sự thấu hiểu cảm thông cho nhau, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị N đã đưa con về sống với mẹ đẻ chị cho đến nay; trong thời gian này, anh P không gặp gỡ, không gọi điện quan tâm đến vợ và con, không có mong muốn đưa hai mẹ con chị về để chung sống cùng anh P. Đến nay đã gần 10 năm chị và anh P sống ly thân mỗi

người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh P, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh P có 01 con chung là Lê Q T, sinh ngày 22/9/2016. Hiện nay con T đang sinh sống với chị; anh P chưa lần nào chu cấp nuôi dưỡng con, nên khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con T cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Lê H P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần giao giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh Lê H P cũng được giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 22/01/2026, bà Lê T N là mẹ đẻ anh P có ý kiến: anh P hiện đang làm việc ở Công ty vận tải tại Hà Nội, nhưng anh P không nói cho bà biết địa chỉ cụ thể. Bà là người nhận thay anh P các văn bản tố tụng của Tòa án và bà đã thông báo lại cho anh P biết, bà cũng khuyên anh P về Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng anh P không nghe mà nói lại với bà là anh P và chị N đã ly thân 8 năm nay và chị N là người nuôi dưỡng cháu T, nên anh P đồng ý ly hôn với chị N và đồng ý để chị N nuôi con. Anh P bảo đi làm ăn không đến Tòa án giải quyết ly hôn với chị N được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà N cũng cho biết anh P và chị N mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 10 năm 2016, do vợ chồng cãi chửi nhau, sống không hợp nhau và từ đó đến nay hai người đã sống ly thân; cháu Lê Q T hiện nay đang ở cùng với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Tòa án xử theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn của chị Phạm T N, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê H P cư trú tại phường O, tỉnh Quảng Ninh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A - Quảng Ninh theo điểm a khoản 1 Điều 35 (khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ

sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án) và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Hoài Phương theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh P không đến Tòa án để thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, anh P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm T N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê H P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm T N và anh Lê H P đăng ký kết hôn ngày 15/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố P (nay là phường O), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Ngọc và anh Phương chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau, anh P không lo toan kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc vợ và con nhỏ. Mâu thuẫn giữa chị N và anh P kéo dài nhiều năm, đến nay chị N và anh P đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan hệ về tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo hòa giải, nhưng anh P đều không có mặt để trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, thể hiện anh P không mong muốn tìm giải pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung; chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị nội dung vẫn cương quyết xin ly hôn anh P. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đến nay không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị N có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm T N.

Về con chung: chị N và anh P có 01 con chung là Lê Q T, sinh ngày 22/9/2016, con Lê Q T hiện tại đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con T, trong khi đó anh P không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Ngọc, thể hiện anh P thiếu sự quan tâm, chăm sóc con. Xét điều kiện nuôi con cũng như ý kiến của chị N, Hội đồng xét xử thấy cần giao con Lê Q T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con T thành niên (đủ 18 tuổi) và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung là đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, vay nợ chung: chị Phạm T N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu nhận xét việc chấp hành Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, của các đương sự và đề nghị nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] *Về án phí:* chị Phạm T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm T N.

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm T N được ly hôn anh Lê H P.

Về con chung: giao cho chị Phạm T N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Q T, sinh ngày 22/9/2016 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Lê H P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê H P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Lê Q T mà không ai được cản trở. Chị Phạm T N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê H P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: chị Phạm T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002769 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực A - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường O, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn